

Bản án số: **10/2018/LĐ-PT**

Ngày: 22-5-2018

V/v: “*Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp thôi việc*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hồng Luyện.

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Thanh Phượng
Ông Nguyễn Công Sự

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại Hội trường D - Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 29/2017/TLPT-LĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp thôi việc*”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số: 04/2017/LĐST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đàm Tiến D**, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Khu A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Phạm Thế P**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ thường trú: Ấp C, xã D, thị xã E, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ liên hệ: Đường F, phường G, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 09 tháng 3 năm 2016)

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu I.

Địa chỉ: Khu công nghiệp J, xã K, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông **Trần Huy H** – Chức vụ: Phó Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng T** – Chức vụ: Chánh văn phòng Tổng hợp.

Địa chỉ: Khu công nghiệp J, xã K, huyện L, tỉnh Đồng Nai. (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 29/CT-GUQ ngày 22 tháng 5 năm 2017 và Văn bản ủy quyền số 02/CT-GUQ ngày 09 tháng 01 năm 2018)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bảo hiểm xã hội huyện L.

Địa chỉ: Xã M, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật của Bảo hiểm xã hội huyện L: Bà **Phạm Lý Hoàng H** – Chức vụ: Giám đốc.

Bà Phạm Lý Hoàng H có văn bản số 700/BHXXH-T ngày 09 tháng 11 năm 2016 xin vắng mặt toàn bộ các buổi làm việc, hòa giải, xét xử.

(Ông P, bà T có mặt tại phiên tòa phúc thẩm; bà Phạm Lý Hoàng H vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

*- Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Đàm Tiến D** – Ông **Phạm Thế P** trình bày:*

Ông **Đàm Tiến D** làm việc tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu I từ năm 2015 theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, công việc làm phụ trách kế toán Xí nghiệp vật liệu xây dựng số 1 trực thuộc Công ty. Mức lương là 4.048.800 đồng/tháng (trong đó lương căn bản là 3.404.000 đồng và phụ cấp trách nhiệm 0.2% là 680.800 đồng/tháng).

Từ tháng 7 năm 2015, ông **D** vẫn làm việc bình thường, đến ngày 12 tháng 10 năm 2015, Công ty ban hành Thông báo số 47/TB-CT chấm dứt hợp đồng lao động với ông **D**, lý do là căn cứ tình trạng hoạt động và sản xuất kinh doanh của Công ty. Đến ngày 13 tháng 11 năm 2015, Công ty ban hành Quyết định số 70-1/QĐ-CT cho ông **D** thôi việc kể từ ngày 13 tháng 11 năm 2015. Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông **D** trái quy định pháp luật và nợ tiền lương ông **D** không trả từ tháng 7 đến tháng 11 năm 2015. Nay, ông **D** yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu I phải:

- Nhận ông **D** trở lại làm việc;

- Trả tiền lương từ tháng 7 năm 2015 đến tháng 11 năm 2015 là: 20.244.000 đồng;

- Trả tiền lương trong thời gian ông D không được Công ty cho làm việc từ ngày 13 tháng 11 năm 2015 đến nay là: 89.852.215 đồng;
- Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế từ tháng 11 năm 2015 đến nay;
- Bồi thường 02 tháng tiền lương do Công ty cho nghỉ việc trái pháp luật là 8.097.600 đồng;
- Bồi thường do Công ty cho ông D nghỉ việc mà không báo trước 14 ngày theo khoản 5 Điều 42 Bộ luật lao động là: 1.712.953 đồng;
- Trả tiền trợ cấp thôi việc cho ông D từ năm 2005 đến ngày 30 tháng 12 năm 2008 là 03 năm 03 tháng theo Điều 48 Bộ luật lao động mỗi năm nửa tháng lương là: 7.085.400 đồng;
- Trường hợp nếu Công ty không nhận ông D trở lại làm việc thì phải bồi thường thêm ít nhất 02 tháng tiền lương theo khoản 3 Điều 42 Bộ luật lao động là 8.097.600 đồng.

Theo bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu I - Chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Về thời gian ký hợp đồng lao động, công việc, thời gian ban hành Quyết định cho thôi việc đối với ông D như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày là đúng. Ông D vào làm việc tại Công ty từ năm 2005 đến khoảng tháng 7 năm 2015 thì ông D xin nghỉ ra ngoài làm, Công ty tạo điều kiện cho ông D tìm việc mới. Tháng 10 năm 2015, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu I ra Thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với ông D vì tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty đang thua lỗ, phải thu hẹp sản xuất và cắt giảm biên chế. Thực tế từ tháng 7 đến khi cho ông D nghỉ việc, ông D đã không còn làm việc tại Công ty.

Với các yêu cầu khởi kiện của người lao động ông Đàm Tiến D, bà T là người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu I có ý kiến như sau:

- Phía Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu I đồng ý nhận ông D trở lại làm việc.
- Đối với yêu cầu trả tiền lương từ tháng 07 năm 2015 đến tháng 11 năm 2015 của ông D, Công ty không đồng ý vì thời gian trên ông D xin nghỉ việc và đã không đến Công ty làm việc. Công ty không đồng ý trả lương cho ông D từ ngày ông D nghỉ việc đến nay, không đồng ý bồi thường 02 tháng tiền lương, vì việc chấm dứt hợp đồng của Công ty đối với ông D là đúng quy định pháp luật.
- Công ty đồng ý trả tiền trợ cấp thôi việc với số tiền 5.987.000 đồng, không đồng ý trả số tiền 7.945.350 đồng như ông D yêu cầu.

- Đối với các yêu cầu truy đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế Công ty không đồng ý.

Theo Văn bản số 700/BHXXH-T ngày 09 tháng 11 năm 2016 và biên bản xác minh ngày 06 tháng 6 năm 2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội huyện L trình bày:

Ông Đàm Tiến D, số sổ bảo hiểm xã hội 4707093409, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu I (tên cũ: Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng I) như sau:

- Từ tháng 10 tháng 2005 đến tháng 12 năm 2008: Hệ số lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội là 2.34;

- Từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 6 năm 2011: Hệ số lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội là 2.65;

- Từ tháng 7 năm 2011 đến tháng 11 năm 2011: Hệ số lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội là 2.95;

- Từ tháng 12 năm 2011 đến tháng 01 năm 2013: Hệ số lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội là 3.26;

- Từ tháng 02 năm 2013 đến tháng 10 năm 2015: Hệ số lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội là 2.96;

- Từ tháng 11 năm 2015 đến nay, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu I báo danh sách ông D nghỉ không hưởng lương nên Bảo hiểm xã hội huyện L chưa chốt sổ bảo lưu, không lưu giữ sổ bảo hiểm xã hội của ông D và ông D chưa được hưởng chế độ trợ cấp thất nghiệp;

- Từ tháng 05 năm 2016 đến nay, ông Đàm Tiến D tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X (Công ty X), tại: Ấp N, xã K, huyện L, tỉnh Đồng Nai, với chức vụ: Nhân viên kế toán, mức lương 5.000.000 đồng/tháng và đóng bảo hiểm thất nghiệp cùng thời gian trên tại Công ty này.

Tại Bản án sơ thẩm số 04/2017/LĐ-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch quyết định:

Căn cứ các điều 32, 35, 147, 184, 220, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 38, 42, 90, 114, 201, 202 Bộ luật lao động năm 2012;

Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đàm Tiến D đối với bị đơn Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu I.

Tuyên bố Quyết định số 70-1/QĐ-CT ngày 13 tháng 11 năm 2015 về việc Giải quyết cho công nhân viên thôi việc của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu I trái pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu I nhận ông D trở lại làm việc và bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước số tiền 1.588.720 đồng

Tuyên xử: Buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu I:

- Bồi thường 02 tháng lương do chấm dứt hợp đồng trái pháp luật số tiền 6.808.800 đồng;

- Trả cho ông D lương trong thời gian không được làm việc 18.951.160 đồng;

- Trả cho ông D tiền lương từ tháng 7 đến ngày 13 tháng 11 năm 2015 với số tiền 14.752.530 đồng;

- Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho ông D từ ngày 13 tháng 11 năm 2015 đến tháng 5 năm 2016 theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;

Bác yêu cầu khởi kiện của ông D về tranh chấp tiền trợ cấp thôi việc;

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu bồi thường thêm 02 tháng lương để chấm dứt hợp đồng lao động.

Về án phí: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu I phải chịu 2.105.061 đồng án phí lao động sơ thẩm

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03 tháng 10 năm 2017, nguyên đơn ông Đàm Tiến D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Việc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu I chấm dứt hợp đồng lao động với ông D là trái quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, hai bên đương sự đã thỏa thuận được mức bồi thường trả trợ cấp thôi việc, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm, ghi nhận sự thỏa thuận Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu I phải bồi thường cho ông D theo sự thỏa thuận của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục và tư cách tố tụng:

Tòa án sơ thẩm xác định chính xác và đầy đủ.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu I ban hành Quyết định số 70-1/QĐ-CT ngày 13 tháng 11 năm 2015 đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông Đàm Tiến D.

Sau khi nhận quyết định nghỉ việc, ông Đàm Tiến D làm đơn khởi kiện Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu I cho rằng Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông trái pháp luật. Ông yêu cầu Công ty phải bồi thường tiền lương những ngày không được làm việc và bồi thường do chấm dứt hợp đồng trái pháp luật, truy đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trả lương thời gian làm việc chưa được Công ty thanh toán, bồi thường do vi phạm nghĩa vụ báo trước, chi trả trợ cấp thôi việc. Đối chiếu Bộ luật lao động, Điều 31 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là: “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp thôi việc”.

Đối với Quyết định số 70-1/QĐ-CT ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu I, tại điểm c khoản 1 Điều 38 Bộ luật lao động năm 2012 quy định người sử dụng lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trong những trường hợp sau đây:

“Do thiên tai, hỏa hoạn hoặc những lý do bất khả kháng khác theo quy định của pháp luật, mà người sử dụng lao động đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng vẫn buộc phải thu hẹp sản xuất, giảm chỗ làm việc”.

Như quy định trên và qua quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu I không cung cấp được chứng cứ chứng minh về lý do bất khả kháng buộc phải thu hẹp sản xuất, giảm chỗ làm việc.

Về hình thức, tại khoản 2 Điều 38 Bộ luật lao động năm 2012 quy định: “ Khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động người sử dụng lao động phải báo cho người lao động biết trước: a) ít nhất 45 ngày đối với hợp đồng không xác định thời hạn;” Ngày 12 tháng 10 năm 2015, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu I ban hành Thông báo về việc chấm dứt hợp

đồng lao động số 47/TB-CT đối với ông D, nhưng đến ngày 13 tháng 11 năm 2015, Công ty đã ban hành Quyết định số 70-1/QĐ-CT cho ông D thôi việc.

Như vậy, Công ty chỉ báo trước 31 ngày là vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 38 Bộ luật lao động năm 2012.

Do đó, việc Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông D là trái quy định tại Điều 38 Bộ luật lao động năm 2012. Ông D khởi kiện là có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được các yêu cầu như sau:

1. Không yêu cầu Công ty nhận ông D trở lại làm việc;
2. Bồi thường vi phạm thời gian báo trước số tiền là: 1.588.720 đồng;
3. Bồi thường 02 tháng tiền lương do Công ty cho ông D nghỉ việc trái pháp luật: $3.402.400 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} = 6.808.800 \text{ đồng}$;
4. Trả tiền lương thời gian ông D không được Công ty cho làm việc: $22 \text{ tháng} 05 \text{ ngày} \times 3.402.400 \text{ đồng} = 75.464.720 \text{ đồng}$.
5. Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế từ ngày 13 tháng 11 năm 2015 đến tháng 4 năm 2016.
6. Không yêu cầu trả tiền lương từ tháng 7 đến ngày 13 tháng 11 năm 2015 với số tiền là 14.752.530 đồng.

Tổng cộng số tiền Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu I phải thanh toán cho ông Đàm Tiến D là: 83.861.720 đồng (Tám mươi ba triệu tám trăm sáu mươi một ngàn bảy trăm hai mươi đồng).

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điều 300, khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông Đàm Tiến D, sửa một phần bản án sơ thẩm do ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 38, 41, 42 Bộ luật lao động 2012; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL ngày 27 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đàm Tiến D đối với bị đơn Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu I về

việc “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp thôi việc”.

2. Tuyên bố Quyết định số 70-1/QĐ-CT ngày 13 tháng 11 năm 2015 về việc Giải quyết cho công nhân viên thôi việc của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu I trái pháp luật.

3. Công nhận sự thỏa thuận của ông Đàm Tiến D với Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu I về việc ông D không trở lại làm việc.

4. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu I phải bồi thường và thanh toán cho ông Đàm Tiến D số tiền: 83.861.720 đồng (Tám mươi ba triệu tám trăm sáu mươi một ngàn bảy trăm hai mươi đồng).

5. Buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu I phải đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho ông Đàm Tiến D từ tháng 11 năm 2015 đến tháng 4 năm 2016 theo quy định.

6. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu trả tiền lương từ tháng 7 đến ngày 13 tháng 11 năm 2015 với số tiền là 14.752.530 đồng.

7. Về án phí: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu I phải chịu 4.193.086 đồng (Bốn triệu một trăm chín mươi ba ngàn không trăm tám mươi sáu đồng) tiền án phí lao động sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh ĐN;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hồng Luyến

